

## BẢNG ĐIỂM

### Toán cơ sở(123.1)\_LT\_03

Học kỳ: 1\_2023-2024. Giảng viên: Phạm Thị Hải Châu

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Điểm Quá trình	Ghi chú
1	235714020130012	MAI THỊ NHƯ	AN	8.4	
2	235714020130114	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	8.9	
3	235714020130032	ĐÀO THỊ	ÁNH	9.2	
4	235714020130073	LÊ THỊ NGỌC	ÁNH	8.9	
5	235714020130081	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	9.2	
6	235714020130168	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	7.1	
7	235714020130048	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	8.6	
8	235714020130015	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	7.9	
9	235714020130009	ỐC THỊ TÂM	ANH	6.5	
10	235714020130137	PHAN THỊ NGỌC	ANH	9.5	
11	235714020130079	PHÙNG THỊ VÂN	ANH	7.9	
12	235714020130157	THÁI THỊ NGỌC	ANH	7.1	
13	235714020130006	THÁI VIỆT	ANH	7.6	
14	235714020130098	TRẦN THỊ HỒNG	ÁNH	7.9	
15	235714020130007	TRẦN THỊ PHƯƠNG	ANH	7.8	
16	235714020130165	TRẦN THỊ QUỲNH	ANH	7.0	
17	235714020130019	VI NGỌC	ÁNH	8.8	
18	235714020130152	VƯƠNG THỊ THUÝ	ANH	9.5	
19	235714020130128	LŨ THỊ ÁNH	BĂNG	8.9	
20	235714020130125	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	0.0	
21	235714020130133	NGUYỄN THỊ	CHUNG	9.2	
22	235714020130026	VI THỊ	DIU	6.9	
23	235714020130111	HOÀNG LÊ PHƯƠNG	DUNG	7.0	
24	235714020130108	LÊ THỊ	ĐÀO	7.3	
25	235714020130096	ĐẶNG THỊ	GIANG	8.0	
26	235714020130027	HỒ THỊ TRÀ	GIANG	7.5	
27	235714020130041	VŨ THỊ	GIANG	6.9	
28	235714020130151	HỒ THỊ MỸ	HÀ	8.6	
29	235714020130158	LÔ THỊ NGÂN	HÀ	7.5	
30	235714020130001	NGUYỄN THỊ	HÀ	9.2	
31	235714020130131	VI THỊ	HÀ	8.0	
32	235714020130095	PHẠM THỊ	HẢI	7.3	
33	235714020130051	NGUYỄN HỒNG	HẠNH	7.9	

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Điểm Quá trình	Ghi chú
34	235714020130083	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	8.6	
35	235714020130077	HOÀNG THỊ	HẰNG	9.4	
36	235714020130154	HỒ THỊ	HẰNG	7.9	
37	235714020130146	TRẦN THỊ	HẰNG	8.7	
38	235714020130031	TRƯỜNG VIỆT	HẰNG	7.3	
39	235714020130162	NGUYỄN BẢO	HÂN	7.3	
40	235714020130050	LÊ THỊ THU	HIỀN	7.4	
41	235714020130121	LÔ THỊ THU	HIỀN	8.3	
42	235714020130099	VI THỊ HẢO	HIỀN	6.9	
43	235714020130014	LÊ THỊ	HOA	8.2	
44	235714020130029	HUYỀN THỊ	NGA	7.1	
45	235714020130153	NGUYỄN LÊ TUYẾT	NGÂN	8.0	
46	235714020130120	NGUYỄN BẢO	NGỌC	8.8	
47	235714020130054	LÊ THẢO	NGUYÊN	7.7	
48	235714020130122	NGUYỄN THẢO	NGUYÊN	7.0	
49	235714020130011	LƯƠNG THỊ DƯƠNG	NGUYỆT	7.4	
50	235714020130084	CHU THỊ	NHI	7.8	
51	235714020130150	ĐÀO THỊ KIM	OANH	8.7	
52	235714020130140	LÊ THỊ NGỌC	OANH	7.8	
53	235714020130018	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	8.4	
54	235714020130039	LÊ THỊ ANH	PHƯƠNG	8.6	
55	235714020130167	LÊ THỊ MAI	PHƯƠNG	7.9	
56	235714020130013	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	7.6	
57	235714020130138	DUY NHƯ	QUỲNH	9.0	
58	235714020130092	NGUYỄN THỊ DIỄM	QUỲNH	7.1	
59	235714020130088	LỖ Y	SÀU	6.7	
60	235714020130101	LƯƠNG VI MINH	TÂM	6.6	
61	235714020130109	HỒ THỊ	THÀNH	7.3	
62	235714020130069	HOÀNG THỊ THANH	THẢO	8.2	
63	235714020130036	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	8.4	
64	235714020130149	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	8.3	
65	235714020130004	PHAN THỊ PHƯƠNG	THẢO	8.4	
66	235714020130094	HỒ THỊ HOÀNG	THƯƠNG	8.5	
67	235714020130072	NGÔ THỊ THẢO	VÂN	8.5	
68	235714020130170	TRẦN THỊ	VÂN	7.5	
69	235714020130037	ĐINH NGUYỄN NGỌC	VY	7.2	
70	235714020130053	NGUYỄN THỊ	XUÂN	7.3	
71	235714020130141	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	8.6	
72	235714020130135	ĐẬU THỊ	YẾN	0.0	

*Nghệ An, ngày 31 tháng 01 năm 2024*

**Trưởng bộ môn**

**Giảng viên**